



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM - VIETNAM REGISTER
PHÒNG TÀU BIỂN

SEA-GOING SHIP CLASSIFICATION AND REGISTRY DEPARTMENT

ĐỊA CHỈ
 ADDRESS 18 PHAM HUNG, HA NOI

TEL: (84) 4 7684701

FAX: (84) 4 7684722

Web site: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT- TECHNICAL INFORMATION

Ngày: 12/06/2007

Số thông báo: 013KT/07TB

Nội dung: Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ B-37.

Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu

Các Cơ sở cung cấp dịch vụ

Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển

Ngày 11 tháng 06 năm 2007, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam đã ký Quyết định số 211/QĐ-ĐK ban hành "Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ" (ký hiệu B-37, phiên bản 2007). Quy định này áp dụng cho việc đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp các dịch vụ sau đây đối với tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam và/ hoặc tàu mang cấp của VR, hoặc tàu được VR cấp các giấy chứng nhận theo luật liên quan theo sự uỷ quyền của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ quốc tịch:

- 1 Đo chiều dày kết cấu thân tàu.
- 2 Kiểm tra dưới nước thân tàu.
- 3 Thử, bảo dưỡng và kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải lắp đặt trên tàu.
- 4 Thử chức năng thiết bị ghi dữ liệu hành trình (VDR) hoặc thiết bị ghi dữ liệu hành trình đơn giản (S-VDR) của tàu.
- 5 Bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hỏa của tàu.
- 6 Bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của tàu.
- 7 Bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan của tàu.
- 8 Thử tính kín của miệng hầm của tàu bằng thiết bị siêu âm.

Quyết định 211/QĐ-ĐK nói trên huỷ bỏ các quyết định sau đây:

- Quyết định số 178/QĐ-ĐK ngày 15 tháng 06 năm 2006 ban hành "Quy định và Hướng dẫn đánh giá chứng nhận trạm bảo dưỡng phao bè cứu sinh bơm hơi" (Ký hiệu B-37, phiên bản 2006).

- Quyết định số 209/QĐ-ĐK ngày 13 tháng 07 năm 2006 ban hành "Quy định và Hướng dẫn đánh giá chứng nhận cơ sở bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu, thiết bị hạ xuống và cơ cấu nhả có tải của xuống" (Ký hiệu B-38, phiên bản 2006).
- Quyết định số 220/QĐ-ĐK ngày 04 tháng 08 năm 2006 ban hành "Quy định và Hướng dẫn đánh giá chứng nhận cơ sở bảo dưỡng và thử thiết bị thông tin vô tuyến điện hàng hải (GMDSS)" (Ký hiệu B-39, phiên bản 2006)

Chúng tôi xin gửi đến các Quý Cơ quan, kèm theo Thông báo kỹ thuật này, Quyết định số 211/QĐ-ĐK và "Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ" (ký hiệu B-37, phiên bản 2007) nói trên để triển khai thực hiện từ ngày 01 tháng 07 năm 2007.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong thư mục: Tàu biển/ Thông báo kỹ thuật của trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>.

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam, Phòng Tàu biển

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: +04.7684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +04.7684722

Email: hainv@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

TRƯỞNG PHÒNG TÀU BIỂN

Nơi nhận:

-Như trên

-QP, CN, TS, CTB, VRQC, MT

-Lưu TB

Nguyễn Vũ Hải

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Mục lục

		Trang
Quyết định số 211/QĐ-ĐK ngày 11 tháng 06 năm 2007 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam về ban hành "Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ"		2
Chương 1	Quy định chung	3
1.1	Phạm vi và đối tượng áp dụng	3
1.2	Định nghĩa	4
1.3	Hệ thống quản lý	4
1.4	Nhà xưởng	5
1.5	Thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ	6
1.6	Phí và lệ phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận công nhận	6
Chương 2	Đánh giá	7
2.1	Quy định chung	7
2.2	Các loại hình đánh giá	7
2.3	Đánh giá lần đầu	7
2.4	Đánh giá hàng năm	8
2.5	Đánh giá cấp mới	8
2.6	Đánh giá bất thường	9
2.7	Chuẩn bị và thực hiện việc đánh giá	9
Chương 3	Hồ sơ đánh giá, giấy chứng nhận công nhận và công bố các cơ sở cung cấp dịch vụ được công nhận	10
3.1	Cấp hồ sơ đánh giá	10
3.2	Cấp, xác nhận và huỷ bỏ giấy chứng nhận cơ sở cung cấp dịch vụ	10
3.3	Công bố các cơ sở cung cấp dịch vụ được công nhận	10
Chương 4	Các yêu cầu cụ thể đối với cơ sở cung cấp dịch vụ	
4.1	Cơ sở đo chiều dày kết cấu thân tàu	12
4.2	Cơ sở kiểm tra dưới nước thân tàu	13
4.3	Cơ sở thử, bảo dưỡng và kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải lắp đặt trên tàu	15
4.4	Cơ sở thử chức năng thiết bị ghi dữ liệu hành trình (VDR) hoặc thiết bị ghi dữ liệu hành trình đơn giản (S-VDR) của tàu	17
4.5	Bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hỏa của tàu	20
4.6	Bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của tàu	21
4.7	Bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan của tàu	24
4.8	Thử tính kín của miệng hầm của tàu bằng thiết bị siêu âm	26
Phụ lục: Biểu mẫu hồ sơ đánh giá và giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ		28

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 211/QĐ-ĐK

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ (B-37)"

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2570/2003/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tàu biển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "**Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ B-37**" (phiên bản 2007).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Giấy chứng nhận công nhận các cơ sở cung cấp dịch vụ được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp trước đây đang còn hiệu lực sẽ tiếp tục có hiệu lực đến ngày hết hạn ghi trong giấy chứng nhận đó.

Điều 4. Trưởng các Phòng, Giám đốc các Trung tâm, Giám đốc các Chi cục Đăng kiểm và các đăng kiểm viên tàu biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VP./.

Nguyễn Văn Ban

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Ban hành theo Quyết định số: 211/QĐ-ĐK ngày 11 tháng 06 năm
2007 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam)

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1.1 Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ (sau đây gọi là "Quy định") áp dụng cho việc đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp các dịch vụ sau đây đối với tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam và/ hoặc tàu mang cấp của Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là "VR"), hoặc tàu được VR cấp các giấy chứng nhận theo luật liên quan theo sự uỷ quyền của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ quốc tịch:

- 1 Đo chiều dày kết cấu thân tàu.
- 2 Kiểm tra dưới nước thân tàu.
- 3 Thử, bảo dưỡng và kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải lắp đặt trên tàu.
- 4 Thử chức năng thiết bị ghi dữ liệu hành trình (VDR) hoặc thiết bị ghi dữ liệu hành trình đơn giản (S-VDR) của tàu.
- 5 Bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hỏa của tàu.
- 6 Bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của tàu.
- 7 Bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan của tàu.
- 8 Thử tính kín của miệng hầm của tàu bằng thiết bị siêu âm.

1.1.2 Cơ sở cung cấp dịch vụ khác với các dịch vụ nêu ở 1.1.1 đối với các tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam và/ hoặc tàu mang cấp VR, hoặc tàu được VR cấp các giấy chứng nhận theo luật liên quan theo sự uỷ quyền của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ quốc tịch cũng phải tuân theo các nội dung thích hợp của Quy định này, nếu việc cung cấp các dịch vụ như vậy phải được đánh giá và chứng nhận theo yêu cầu của Quy phạm của VR, các công ước quốc tế hoặc các quy định liên quan của quốc gia tàu mang cờ quốc tịch.

1.1.3 Trong trường hợp Chính phủ quốc gia tàu mang cờ quốc tịch có quy định cụ thể đối với cơ sở cung cấp các dịch vụ nêu ở 1.1.1 và 1.1.2 cho các tàu mang cờ quốc tịch của họ, ngoài Quy định này, VR thực hiện việc đánh giá và công nhận cơ sở liên quan theo sự uỷ quyền và phù hợp với quy định của Chính phủ đó.

1.2 Định nghĩa

1.2.1 "*Hệ thống chất lượng*" là hệ thống quản lý trong đó sơ đồ tổ chức, trách nhiệm, nhân sự, quy trình làm việc, quá trình cung cấp dịch vụ, ... của cơ sở cung cấp dịch vụ được kết hợp một cách có tổ chức để thực hiện việc cung cấp dịch vụ.

1.2.2 "*Sổ tay chất lượng*" là tài liệu quy định hệ thống chất lượng của cơ sở cung cấp dịch vụ để thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng.

1.2.3 "*Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ*" là lãnh đạo cao nhất liên quan đến hệ thống chất lượng của cơ sở cung cấp dịch vụ.

1.2.4 "*Đánh giá nội bộ*" là việc kiểm tra một cách có hệ thống và độc lập do lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ thực hiện để xác nhận rằng hệ thống quản lý chất lượng được thiết lập hoạt động một cách hiệu quả và xác minh sự phù hợp của hệ thống để đạt được mục tiêu.

1.2.5 "*Quy phạm của VR*" là quy phạm kỹ thuật của VR như Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, các quy phạm phạm liên quan đến tàu biển,...

1.2.6 "*Phòng Tàu biển*" là Phòng Tàu biển của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

1.2.7 "*Chi cục Đăng kiểm*" là chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam.

1.2.8 "*Đăng kiểm viên*" là Đăng kiểm viên của Cục Đăng kiểm Việt Nam được đào tạo và bổ nhiệm để thực hiện việc đánh giá các cơ sở cung cấp dịch vụ.

1.3 Hệ thống quản lý

1.3.1 Yêu cầu

Để duy trì chất lượng theo yêu cầu đối với các dịch vụ được cung cấp, Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải thiết lập và duy trì hệ thống chất lượng được lập thành hồ sơ phù hợp với các yêu cầu từ 1.3.2 đến 1.3.7 dưới đây.

1.3.2 Đào tạo

Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải:

- 1 Thực hiện công tác đào tạo thích hợp cho tất cả những người tham gia vào các hoạt động có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các dịch vụ liên quan.
- 2 Thiết lập và duy trì quy trình được lập thành hồ sơ đối với việc thực hiện công tác đào tạo nêu ở 1.
- 3 Thiết lập và duy trì hồ sơ đào tạo của các nhân viên kỹ thuật và cán bộ giám sát bao gồm các thông tin về trình độ chuyên môn, chương trình đào tạo đã tham gia và kinh nghiệm đối với dịch vụ liên quan.

1.3.3 Thiết bị đo và thử

- 1 Cơ sở cung cấp dịch vụ phải có các thiết bị đo và thử để đảm bảo chất lượng của các dịch vụ liên quan.

- 2 Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải thiết lập và duy trì quy trình được lập thành hồ sơ để kiểm soát, hiệu chuẩn và duy trì các thiết bị nêu ở 1.

1.3.4 Quy trình làm việc

Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải thiết lập và duy trì quy trình làm việc để cung cấp các dịch vụ liên quan.

1.3.5 Kiểm soát nhà thầu phụ

- 1 Trong trường hợp một phần dịch vụ được cung cấp bởi nhà thầu phụ, lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải kiểm tra và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và sự thực hiện công việc của nhà thầu phụ để xác nhận là nhà thầu phụ có đủ năng lực cung cấp một phần dịch vụ như vậy với chất lượng phù hợp.
- 2 Hợp đồng của cơ sở cung cấp dịch vụ và nhà thầu phụ phải bao gồm các quy định cụ thể đối với phần dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp.
- 3 Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải thiết lập và duy trì quy trình được lập thành hồ sơ để thực hiện việc kiểm soát nhà thầu phụ nêu ở 1 và hợp đồng nêu ở 2.

1.3.6 Kiểm tra xác nhận

Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải:

- 1 Thẩm tra xác nhận chất lượng của dịch vụ được cung cấp.
- 2 Thực hiện việc đánh giá chất lượng nội bộ theo chu kỳ. Sau khi hoàn thành mỗi đợt đánh giá nội bộ, phải thực hiện các công việc sau:
 - (1) Kết quả đánh giá phải được báo cáo lên Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ và các bộ phận được đánh giá.
 - (2) Căn cứ vào kết quả đánh giá, Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải xem xét lại hệ thống chất lượng, nếu cần thiết.
 - (3) Thiết lập và duy trì quy trình được lập thành hồ sơ đối với việc thực hiện kiểm tra xác nhận nêu ở (1) và đánh giá chất lượng nội bộ nêu ở (2).

1.3.7 Báo cáo cho VR

Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải thiết lập và duy trì quy trình lập thành hồ sơ về việc báo cáo kết quả các dịch vụ được cung cấp cho VR (biểu mẫu báo cáo kết quả bảo dưỡng, kiểm tra, thử và các giấy chứng nhận liên quan).

1.4 Nhà xưởng

Cơ sở phải có nhà xưởng làm việc, đủ điều kiện cất giữ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng và thử thiết bị liên quan. Nhà xưởng phải đảm bảo điều kiện vệ sinh công nghiệp, có đủ diện tích phục vụ cho công việc, được chiếu sáng, thông gió đầy đủ, thoả mãn các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

1.5 Thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ

Cơ sở được đánh giá và công nhận phải có đầy đủ các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ theo quy định tại chương 4 của Quy định này.

1.6 Phí và lệ phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận công nhận

Cơ sở được đánh giá và công nhận chịu trách nhiệm thanh toán cho Cục Đăng kiểm Việt Nam phí và lệ phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận công nhận theo các quy định hiện hành.

CHƯƠNG 2 - ĐÁNH GIÁ

2.1 Quy định chung

Để được VR công nhận lần đầu hoặc duy trì sự công nhận là cơ sở cung cấp dịch vụ theo Quy định này, cơ sở cung cấp dịch vụ phải được VR đánh giá phù hợp với các yêu cầu của chương này.

2.2 Các loại hình đánh giá

Các loại hình đánh giá bao gồm: đánh giá lần đầu, đánh giá hàng năm, đánh giá cấp mới và đánh giá bất thường.

2.3 Đánh giá lần đầu

Tại đợt đánh giá lần đầu, cơ sở cung cấp dịch vụ được VR đánh giá dựa trên kết quả xem xét tài liệu do cơ sở đệ trình và việc kiểm tra hiện trường như sau:

2.3.1 Xem xét tài liệu

- 1 Một bộ các tài liệu sau đây được gửi cho Phòng Tàu biển xem xét trước khi bắt đầu việc đánh giá thực tế tại cơ sở:
 - (1) Văn bản yêu cầu đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ.
 - (2) Giới thiệu chung về cơ sở (giấy phép kinh doanh, địa chỉ, lịch sử, sơ đồ tổ chức, các đơn vị trực thuộc, số lượng và trình độ nhân viên, các dịch vụ cung cấp, các điều kiện cung cấp dịch vụ, ...).
 - (3) Mô tả cơ sở vật chất cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho, các trang thiết bị, ...).
 - (4) Danh sách các nhà thầu phụ và công việc dự kiến do nhà thầu phụ thực hiện.
 - (5) Sổ tay chất lượng cùng với các tài liệu liên quan và các quy trình được lập thành hồ sơ (theo quy định tại 1.3).
 - (6) Danh sách các nhân viên kỹ thuật và cán bộ giám sát (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chương trình đào tạo đã tham gia, bản sao các chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm đối với dịch vụ liên quan).
 - (7) Mẫu danh mục kiểm tra, bảo dưỡng, thử và báo cáo liên quan các dịch vụ cung cấp.
 - (8) Bản sao các giấy chứng nhận công nhận cơ sở của các cơ quan có thẩm quyền hoặc các tổ chức đăng kiểm khác, nếu có.
 - (9) Bản sao giấy chứng nhận uỷ quyền thực hiện dịch vụ liên quan do nhà sản xuất cấp, nếu có.
 - (10) Các tài liệu khác mà VR thấy cần thiết.

- 2 Các tài liệu nêu ở 1 phải được xem xét để xác nhận hệ thống chất lượng được lập thành hồ sơ của cơ sở cung cấp dịch vụ phù hợp với Quy định này.
- 3 Trong vòng bảy ngày làm việc tính từ khi nhận được các tài liệu nêu ở 1, Phòng Tàu biển phải hoàn thành việc xem xét và gửi thông báo kết quả xem xét cho khách hàng.

2.3.2 Đánh giá thực tế

- 1 Căn cứ vào các tài liệu nêu ở 2.3.1.1 do khách hàng đệ trình và đã được Phòng Tàu biển xem xét, Đăng kiểm viên thực hiện việc đánh giá thực tế tại cơ sở cung cấp dịch vụ để xác nhận là hệ thống chất lượng của cơ sở phù hợp với Quy định này.
- 2 Việc đánh giá thực tế phải chứng minh được rằng việc cung cấp các dịch vụ dự kiến công nhận được thực hiện thoả mãn Quy định này.
- 3 Phòng Tàu biển chịu trách nhiệm tổ chức việc đánh giá thực tế lần đầu.

2.4 Đánh giá hàng năm

- 2.4.1 Cơ sở cung cấp dịch vụ được công nhận phải được đánh giá hàng năm. Việc đánh giá hàng năm có thể được thực hiện trong khoảng thời gian 3 tháng trước hoặc sau ngày ấn định đánh giá hàng năm (là ngày tương ứng với ngày hết hạn của giấy chứng nhận công nhận của cơ sở cung cấp dịch vụ).
- 2.4.2 Việc đánh giá hàng năm nhằm mục đích xác nhận là hệ thống chất lượng được công nhận của cơ sở cung cấp dịch vụ được duy trì thoả mãn Quy định này.
- 2.4.3 Chi cục Đăng kiểm tại địa phương nơi cơ sở cung cấp dịch vụ đặt trụ sở và nhà xưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá hàng năm cho cơ sở.

2.5 Đánh giá cấp mới

- 2.5.1 Các cơ sở cung cấp dịch vụ được công nhận phải được đánh giá cấp mới năm năm một lần. Việc đánh giá cấp mới có thể được thực hiện trong khoảng thời gian 3 tháng trước ngày hết hạn của giấy chứng nhận công nhận của cơ sở cung cấp dịch vụ.
- 2.5.2 Đợt đánh giá cấp mới được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của đợt đánh giá lần đầu quy định tại 2.3. Tuy nhiên, việc xem xét các tài liệu nêu ở 2.3.1 có thể được miễn trừ, nếu như không có các thay đổi lớn trong tài liệu này liên quan đến sơ đồ tổ chức, cơ sở vật chất, sổ tay chất lượng, quy trình làm việc, mẫu các danh mục kiểm tra và báo cáo,
- 2.5.3 Chi cục Đăng kiểm tại địa phương nơi cơ sở cung cấp dịch vụ đặt trụ sở và nhà xưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá cấp mới cho cơ sở.

2.6 Đánh giá bất thường

2.6.1 Đánh giá bất thường được thực hiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ khi cơ sở này có yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung các hạng mục đã được công nhận tại thời điểm không trùng với đợt đánh giá hàng năm hoặc cấp mới.

2.6.2 Đánh giá bất thường cũng được thực hiện theo thời hạn quy định để xác nhận việc khắc phục các vấn đề không phù hợp do Đăng kiểm viên đưa ra tại đợt đánh giá trước.

2.6.3 Tại đợt đánh giá bất thường, Đăng kiểm viên phải xác nhận là các hạng mục liên quan đến đợt đánh giá đó ở tình trạng thoả mãn.

2.7 Chuẩn bị và thực hiện việc đánh giá

2.7.1 Cơ sở cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc chuẩn bị cần thiết cho việc đánh giá nêu từ 2.3 đến 2.6. Đại diện lãnh đạo và các nhân viên liên quan trong hệ thống chất lượng của cơ sở cung cấp dịch vụ phải có mặt trong quá trình đánh giá tại cơ sở.

2.7.2 Nếu các công việc chuẩn bị cần thiết không được thực hiện đầy đủ hoặc các đại diện nêu ở 2.7.1 của cơ sở cung cấp dịch vụ không có mặt trong quá trình đánh giá, Đăng kiểm viên có thể từ chối việc đánh giá.

2.7.3 Đăng kiểm viên phải thông báo cho Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ các vấn đề không phù hợp đòi hỏi phải có hành động khắc phục được phát hiện trong quá trình đánh giá. Lãnh đạo cơ sở cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục đối với vấn đề không phù hợp do Đăng kiểm viên đưa ra theo đúng thời hạn quy định.

CHƯƠNG 3 - HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ CÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

3.1 Cấp hồ sơ đánh giá

3.1.1 Trong vòng ba ngày sau khi hoàn thành mỗi đợt đánh giá nêu ở chương 2, Đăng kiểm viên phải lập và cấp hồ sơ đánh giá cho khách hàng theo mẫu nêu ở phụ lục của Quy định này bao gồm:

- 1 Báo cáo đánh giá.
- 2 Danh mục đánh giá.
- 3 Giấy chứng nhận công nhận (trong trường hợp đánh giá lần đầu hoặc cấp mới).

3.1.2 Một bộ hồ sơ đánh giá nêu ở 3.1.1 được lưu tại Chi cục Đăng kiểm thực hiện việc đánh giá, và một bộ được gửi cho Phòng Tàu biển trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ khi hoàn thành đợt đánh giá để soát xét.

3.2 Cấp, xác nhận và huỷ bỏ giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ

3.2.1 Cấp và xác nhận giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ

- 1 Sau khi hoàn thành đợt đánh giá lần đầu, Phòng Tàu biển soạn thảo giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ chính thức để trình Lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam ký cấp cho khách hàng. Thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận không quá 5 năm tính từ ngày hoàn thành đợt đánh giá lần đầu.
- 2 Sau khi hoàn thành đợt đánh giá hàng năm, Chi cục Đăng kiểm xác nhận đợt đánh giá này vào giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ chính thức của cơ sở.
- 3 Sau khi hoàn thành đợt đánh giá cấp mới, Chi cục Đăng kiểm cấp mới chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ tạm thời với hạn hiệu lực không quá 5 tháng tính từ ngày hoàn thành đợt đánh giá cấp mới.
- 4 Sau khi hoàn thành việc soát xét hồ sơ của đợt đánh giá cấp mới do Chi cục Đăng kiểm thực hiện, Phòng Tàu biển soạn thảo giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ chính thức để trình Lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam ký cấp cho khách hàng. Thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận không quá 5 năm tính từ ngày hoàn thành đợt đánh giá cấp mới. Tuy nhiên, nếu đợt đánh giá cấp mới được hoàn thành trong vòng 3 tháng trước ngày hết hạn của giấy chứng nhận cũ, thì thời hạn 5 năm của giấy chứng nhận mới được tính từ ngày hết hạn của giấy chứng nhận cũ.

3.2.2 Huỷ bỏ giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ

- 1 Theo đề nghị của Phòng Tàu biển, Lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể ra thông báo huỷ bỏ giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ trong các trường hợp sau:
 - (1) Chất lượng dịch vụ được cung cấp không đúng quy định.
 - (2) Hành động khắc phục đối với các vấn đề không phù hợp không được thực hiện theo đúng thời hạn quy định.
 - (3) Cơ sở cung cấp dịch vụ thực hiện việc thay đổi lớn đối với hệ thống chất lượng nhưng không thông báo và không nhận được sự chấp nhận của VR.
 - (4) Các đợt đánh giá không được thực hiện theo đúng quy định.
 - (5) Việc thanh toán phí và lệ phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận công nhận nêu ở 1.6 không được hoàn thành trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày kết thúc đợt đánh giá liên quan.
 - (6) Cơ sở cung cấp dịch vụ đề nghị huỷ bỏ việc công nhận của VR.
- 2 Khi nhận được thông báo huỷ bỏ giấy chứng nhận công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở phải gửi lại cho Phòng Tàu biển giấy chứng nhận công nhận liên quan.
- 3 Các cơ sở đã bị huỷ bỏ giấy chứng nhận công nhận, muốn được cấp lại giấy chứng nhận này phải được VR đánh giá lại với khối lượng đánh giá lần đầu nêu ở 2.3.

3.3 Công bố các cơ sở cung cấp dịch vụ được công nhận

Các cơ sở cung cấp dịch vụ được VR công nhận sẽ được công bố trong “Danh sách các cơ sở cung cấp dịch vụ được công nhận” xuất bản hàng năm và trang tin điện tử của VR.

CHƯƠNG 4 - CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1 Cơ sở đo chiều dày kết cấu thân tàu

4.1.1 Hệ thống chất lượng

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị thực hiện việc kiểm tra và đo.
- 2 Lựa chọn và nhận biết các vị trí được kiểm tra và đo.
- 3 Chuẩn bị bề mặt và xử lý lớp phủ bề mặt.
- 4 Hiệu chuẩn thiết bị.
- 5 Thực hiện việc kiểm tra và đo.
- 6 Báo cáo kết quả đo dưới dạng số liệu được lập thành hồ sơ và/ hoặc máy tính hoá.
- 7 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.

4.1.2 Nhân viên đo chiều dày và cán bộ giám sát

1 Đào tạo

Nhân viên đo chiều dày và cán bộ giám sát phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Kết cấu và các cơ cấu thân tàu.
- (2) Mặt cắt ngang của các kiểu tàu điển hình.
- (3) Các hư hỏng điển hình và các vị trí dễ bị ăn mòn của các loại tàu điển hình.
- (4) Sử dụng các thiết bị đo chiều dày.
- (5) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn đo chiều dày kết cấu thân tàu của VR.
- (6) Báo cáo kết quả đo và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên

- (1) Nhân viên thực hiện việc đo chiều dày phải có trình độ phù hợp với tiêu chuẩn NDT công nghiệp được công nhận.
- (2) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên đo chiều dày và cán bộ giám sát của một cơ sở đo chiều dày kết cấu thân tàu phải bao gồm:

- (a) Một người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đo chiều dày từ năm năm trở lên có chứng chỉ NDT cấp II.
- (b) Ba người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đo chiều dày từ hai năm trở lên có chứng chỉ NDT cấp I.
- (c) Một người có trình độ về kết cấu thân tàu, chẳng hạn như kỹ sư hoặc cán bộ trung cấp vô tàu, và có thể làm việc như cán bộ hướng dẫn hoặc giám sát.

4.1.3 Thiết bị đo chiều dày

Thiết bị đo chiều dày phải là thiết bị siêu âm được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

4.1.4 Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu

- 1 Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện tại tàu cụ thể với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ đo chiều dày phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1. Tàu sử dụng để chứng minh năng lực của cơ sở đo chiều dày nên là tàu chở dầu, tàu chở hàng rời hoặc tàu chở hàng tổng hợp cỡ lớn.
- 2 Các thành phần kết cấu được đo chiều dày phải do Đăng kiểm viên chỉ định để đảm bảo rằng các kỹ thuật viên đo chiều dày và cán bộ giám sát có năng lực đối với công việc. Đăng kiểm viên có thể đưa ra một số câu hỏi về các hư hỏng kết cấu thân tàu của các loại tàu điển hình để khẳng định khả năng chuyên môn của các kỹ thuật viên đo chiều dày và cán bộ giám sát.
- 3 Trong trường hợp cơ sở đo chiều dày đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức đăng kiểm khác được công nhận, thì VR có thể xem xét bỏ qua việc chứng minh năng lực nêu ở -1.

4.2 Cơ sở kiểm tra dưới nước thân tàu

4.2.1 Hệ thống chất lượng

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị cho việc kiểm tra.
- 2 Thực hiện việc kiểm tra.
- 3 Hướng dẫn cho thợ lặn về các phần thân tàu phải được kiểm tra.
- 4 Phương tiện thông tin liên lạc hai chiều giữa thợ lặn, cán bộ giám sát và Đăng kiểm viên giám sát.
- 5 Sử dụng hệ thống quay phim và ghi hình dưới nước.
- 6 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.

4.2.2 *Thợ lặn và cán bộ giám sát*

1 *Đào tạo*

Thợ lặn và cán bộ giám sát phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Cấu trúc phần dưới nước của thân tàu và các phần kèm theo (bao gồm trục chân vịt, chân vịt, bánh lái và ổ đỡ của chúng,...).
- (2) Các thuật ngữ chuyên môn liên quan bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- (3) Đo chiều dài và thử không phá huỷ dưới nước.
- (4) Đo khe hở trục lái và trục chân vịt.
- (5) Thực hiện việc quay phim và chụp ảnh dưới nước.
- (6) Sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc phục vụ cho việc kiểm tra dưới nước.
- (7) Các trang thiết bị và dụng cụ đặc biệt sử dụng cho việc kiểm tra dưới nước.
- (8) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn kiểm tra dưới nước thân tàu của VR.
- (9) Báo cáo kết quả kiểm tra và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 *Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên*

- (1) Thợ lặn và cán bộ giám sát phải được đào tạo và có chứng chỉ phù hợp với các tiêu chuẩn được công nhận.
- (2) Yêu cầu tối thiểu về số lượng thợ lặn và cán bộ giám sát của một cơ sở kiểm tra dưới nước thân tàu phải bao gồm:
 - (a) Một người có kinh nghiệm về kiểm tra dưới nước từ hai năm trở lên.
 - (b) Ba người có kinh nghiệm về kiểm tra dưới nước từ một năm trở lên.

4.2.3 *Thiết bị sử dụng để kiểm tra dưới nước*

Cơ sở phải có các thiết bị sau đây phục vụ cho việc kiểm tra dưới nước:

- 1 Hệ thống quay phim dưới nước và truyền hình màu được chiếu sáng đầy đủ.
- 2 Thiết bị chụp ảnh dưới nước.
- 3 Thiết bị ghi hình của máy quay phim dưới nước.

- 4 Thiết bị thông tin liên lạc hai chiều giữa thợ lặn và các nhân viên trên mặt nước.
- 5 Các thiết bị để đo chiều dày, đo và kiểm tra không phá huỷ dưới nước phục vụ cho việc đo khe hở, vết lõm,...
- 6 Thiết bị làm sạch thân tàu.

4.2.4 Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu

- 1 Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện tại tàu cụ thể với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ kiểm tra dưới nước phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.
- 2 Trong trường hợp cơ sở kiểm tra dưới nước đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức đăng kiểm khác được công nhận, hoặc có các bằng, đĩa hình ghi lại kết quả các đợt kiểm tra do cơ sở đã thực hiện trước đây, thì VR có thể xem xét bỏ qua việc chứng minh năng lực nêu ở 1.

4.3 Cơ sở bảo dưỡng, thử và kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải lắp đặt trên tàu

4.3.1 Hệ thống chất lượng

- 1 Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:
 - (1) Chuẩn bị cho việc bảo dưỡng, thử và kiểm tra.
 - (2) Thực hiện việc bảo dưỡng, thử và kiểm tra.
 - (3) Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.
- 2 Bên cạnh các quy trình làm việc nêu ở 1, phải có các quy trình/ hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa, thử và kiểm tra đối với từng loại thiết bị dưới đây:
 - (1) Máy thu phát vô tuyến điện: VHF, MF/HF DSC, NBDP.
 - (2) Trạm thu phát qua vệ tinh: INMARSAT A, B, C, D, F, M,...
 - (3) Thiết bị thu thông tin an toàn hàng hải: NAVTEX, EGC, HF MSI, Weather Fax,...
 - (4) Thiết bị chỉ báo vị trí sự cố: VHF EPIRB, S.EPIRB, Radar Transponder,...
 - (5) Thiết bị hàng hải: Radar, Máy đo sâu, Thiết bị ghi tốc độ và hành trình, La bàn, Thiết bị định vị vệ tinh, Hệ thống nhận dạng tự động, Thiết bị chỉ báo tốc độ quay trở của tàu,...

4.3.2 Nhân viên kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải, và cán bộ giám sát

1 Đào tạo

Nhân viên kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải (sau đây gọi là "nhân viên kiểm tra vô tuyến điện") và cán bộ giám sát phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Vô tuyến điện thoại và thiết bị hàng hải.
- (2) Hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu.
- (3) Văn bản hợp nhất mới nhất của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74), Thê lệ vô tuyến điện của liên minh viễn thông quốc tế và các văn kiện của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) về tiêu chuẩn chức năng của các thiết bị vô tuyến điện và hàng hải.
- (4) Các yêu cầu của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ.
- (5) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn kiểm tra thiết bị vô tuyến điện và hàng hải của VR.
- (6) Hướng dẫn cập nhật liên quan đến việc sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm tra thiết bị vô tuyến điện và hàng hải của nhà sản xuất.
- (7) Báo cáo kết quả kiểm tra và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên

- (1) Nhân viên kiểm tra vô tuyến điện phải thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm như sau:
 - (a) Là kỹ sư chuyên ngành vô tuyến điện tử, đã được đào tạo và cấp giấy chứng nhận sử dụng thiết bị thông tin vô tuyến điện hàng hải GOC hoặc tương đương.
 - (b) Có tối thiểu ba năm kinh nghiệm trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thử thiết bị vô tuyến điện và hàng hải của tàu.
 - (c) Có trình độ tiếng Anh tối thiểu là C trở lên hoặc tương đương để có thể giao tiếp và làm báo cáo kiểm tra bằng tiếng Anh.
- (2) Cán bộ giám sát, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm đối với nhân viên kiểm tra vô tuyến điện, phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc của nhân viên kiểm tra vô tuyến điện.

- (3) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên kiểm tra vô tuyến điện và cán bộ giám sát của một cơ sở bảo dưỡng, thử và kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải:
 - (a) Hai nhân viên kiểm tra vô tuyến điện.
 - (b) Một cán bộ giám sát.

4.3.3 Trang thiết bị sử dụng cho việc bảo dưỡng, thử và kiểm tra thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến điện và hàng hải

- 1 Cơ sở phải có hệ thống ăng ten thu phát để thử và kiểm tra thiết bị.
- 2 Cơ sở phải có các trang thiết bị sau đây:
 - (1) Thiết bị đo tần số, điện áp, dòng điện và điện trở.
 - (2) Thiết bị đo công suất và công suất hiệu dụng của máy VHF, MF/HF.
 - (3) Thiết bị đo mức độ điều chế của máy MF/HF và VHF (AM, FM, PM).
 - (4) Thiết bị kiểm tra nồng độ dung dịch của ắc quy chì.
 - (5) Thiết bị thử và kiểm tra tín hiệu của S.EPIRB.
 - (6) Buồng cách ly điện từ để thử S.EPIRB.

4.3.4 Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu

Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện tại tàu cụ thể với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ kiểm tra vô tuyến điện phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.

4.3.5 Thực hiện kiểm tra vô tuyến điện trên tàu và lập báo cáo kiểm tra

- 1 Việc kiểm tra vô tuyến điện trên tàu phải được thực hiện dưới sự giám sát của Đăng kiểm viên.
- 2 Sau khi hoàn thành kiểm tra, nhân viên kiểm tra vô tuyến điện của cơ sở phải lập báo cáo/ danh mục kiểm tra theo mẫu của VR và cùng với Đăng kiểm viên ký vào báo cáo/ danh mục kiểm tra này.

4.4 Cơ sở thử chức năng thiết bị ghi dữ liệu hành trình (VDR) và thiết bị ghi dữ liệu hành trình đơn giản (S-VDR) của tàu

4.4.1 Hệ thống chất lượng

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị cho việc thử chức năng VDR/S-VDR.
- 2 Thực hiện việc thử chức năng VDR/S-VDR.

- 3 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.
- 4 Cấp giấy chứng nhận thử chức năng hàng năm đối với VDR/S-VDR.

4.4.2 Nhân viên thử chức năng và cán bộ giám sát

1 Đào tạo

Nhân viên thử chức năng VDR/S-VDR và cán bộ giám sát phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Các yêu cầu đối với VDR/S-VDR và hướng dẫn kiểm tra, thử chức năng của nhà sản xuất thiết bị.
- (2) Văn bản hợp nhất mới nhất của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74), các văn kiện của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) về tiêu chuẩn chức năng của VDR/S-VDR và các tiêu chuẩn của Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC).
- (3) Các yêu cầu của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ.
- (4) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn kiểm tra và thử chức năng đối với VDR/S-VDR của VR.
- (5) Các tài liệu tham khảo sau đây đối với VDR/S-VDR:
 - (a) Sổ tay hướng dẫn lắp đặt.
 - (b) Sổ tay hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng.
 - (c) Hướng dẫn cho việc sử dụng thiết bị của cơ quan điều tra.
- (6) Báo cáo kết quả thử chức năng và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên

- (1) Nhân viên thử chức năng VDR/S-VDR phải thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm như sau:
 - (a) Được nhà sản xuất đào tạo và công nhận có đủ năng lực thực hiện việc thử chức năng.
 - (b) Có trình độ tiếng Anh tối thiểu là C trở lên hoặc tương đương để có thể giao tiếp và làm báo cáo kiểm tra bằng tiếng Anh.
- (2) Cán bộ giám sát, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm đối với nhân viên thử chức năng VDR/S-VDR, phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm trong việc thử thiết bị.
- (3) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên thử chức năng và cán bộ giám sát của một cơ sở thử chức năng VDR/S-VDR:
 - (a) Một nhân viên thử chức năng.

(b) Một cán bộ giám sát.

4.4.3 Trang thiết bị sử dụng cho việc thử chức năng VDR/S-VDR

Cơ sở phải có các trang thiết bị để thực hiện việc thử chức năng VDR/S-VDR như sau:

- 1 Dụng cụ để đo tần số, điện thế, dòng điện và điện trở.
- 2 Phần cứng để phát lại các dữ liệu đã ghi, loa, máy in và các bộ nhớ.
- 3 Phần mềm để phát lại các dữ liệu đã ghi.

4.4.4 Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu

Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện tại tàu cụ thể với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ thử chức năng VDR/S-VDR phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.

4.5 Cơ sở bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả của tàu

4.5.1 Phạm vi áp dụng

Phần này áp dụng cho việc đánh giá và công nhận các cơ sở thực hiện việc bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả sau đây:

- 1 Hệ thống cứu hoả cố định.
- 2 Bình cứu hoả xách tay và di động (bao gồm cả bộ dụng cụ tạo bọt di động).
- 3 Bộ dụng cụ thở tự cung cấp không khí (SCBA).
- 4 Bộ dụng cụ thở dùng trong trường hợp thoát hiểm (EEBD).
- 5 Hệ thống phát hiện và báo cháy.

4.5.2 Hệ thống chất lượng

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị cho việc bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hoả.
- 2 Thực hiện việc bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hoả.
- 3 Ghi nhận các khiếm khuyết phát hiện được trong quá trình bảo dưỡng.
- 4 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.
- 5 Cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng.

4.5.3 Nhân viên bảo dưỡng và cán bộ giám sát

1 Đào tạo

Nhân viên và cán bộ giám sát liên quan đến việc bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hoả phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập

thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Cấu trúc và công dụng của các hệ thống và thiết bị cứu hoả.
- (2) Văn bản hợp nhất mới nhất của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74), Bộ luật quốc tế về các hệ thống cứu hoả (FSS), Thông tư MSC/Circ.850 và các văn kiện liên quan của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO).
- (3) Các yêu cầu của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ.
- (4) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả của VR.
- (5) Phương pháp sử dụng các trang thiết bị dùng cho việc bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả.
- (6) Báo cáo kết quả bảo dưỡng và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên

- (1) Nhân viên bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả phải thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm như sau:
 - (a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo về bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức.
 - (b) Có tối thiểu một năm kinh nghiệm trong việc bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả.
- (2) Cán bộ giám sát, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm đối với nhân viên bảo dưỡng, phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm trong việc bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả.
- (3) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên thử bảo dưỡng và cán bộ giám sát của một cơ sở bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả:
 - (a) Hai nhân viên bảo dưỡng.
 - (b) Một cán bộ giám sát.

4.5.4 Trang thiết bị sử dụng cho việc bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hoả

Cơ sở phải có các trang thiết bị để thực hiện việc bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hoả như sau:

1 Các thiết bị sử dụng chung

- (1) Gương và thiết bị chiếu sáng để kiểm tra bên trong các bình cứu hoả.
- (2) Thiết bị đo áp suất.

- (3) Thiết bị làm khô bình chứa.
 - (4) Thiết bị nạp khí (CO₂, ni tơ, ...).
 - (5) Thiết bị và kho chứa công chất dập cháy.
 - (6) Phụ tùng thay thế.
- 2 Thiết bị dùng để bảo dưỡng các hệ thống cứu hoả cố định
- (1) Thiết bị hoặc dụng cụ đo mức công chất dập cháy.
 - (2) Dụng cụ để thử thổi khí.
- 3 Thiết bị dùng để bảo dưỡng các bình cứu hoả xách tay hoặc di động
- (1) Thiết bị dùng để cố định bình cứu hoả, chẳng hạn như khoá kẹp.
 - (2) Cờ lê dùng để mở và đóng nắp bình.
 - (3) Nắp của bình cứu hoả dùng để thử áp suất.
 - (4) Bơm và trang bị dùng để thử áp lực.
- 4 Thiết bị dùng để bảo dưỡng bộ dụng cụ thở tự cung cấp không khí và bộ dụng cụ thở dùng trong trường hợp thoát hiểm
- (1) Bơm và trang bị dùng để thử áp lực.
 - (2) Máy nén khí.
- 5 Thiết bị dùng để bảo dưỡng hệ thống phát hiện và báo cháy
- (1) Thiết bị và dụng cụ để thử hoạt động hệ thống.
 - (2) Dụng cụ đo để kiểm tra thiết bị điện.

4.5.5 Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu

- 1 Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện ở cả trên tàu và tại xưởng với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị cứu hoả phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.
- 2 Trong trường hợp cơ sở bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hoả đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức đăng kiểm khác được công nhận, thì VR có thể xem xét bỏ qua việc chứng minh năng lực nêu ở 1.

4.6 Cơ sở bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của tàu

4.6.1 Phạm vi áp dụng

Phần này áp dụng cho việc đánh giá và công nhận các cơ sở thực hiện việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh sau đây:

- 1 Phao bè tự bơm hơi.

- 2 Phao áo tự bơm hơi.
- 3 Cơ cấu nhả thuỷ tĩnh.
- 4 Xuồng cấp cứu bơm hơi.
- 5 Hệ thống sơ tán hàng hải.
- 6 Bộ quần áo bơi chống mất nhiệt.

4.6.2 Hệ thống chất lượng

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị cho việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh.
- 2 Thực hiện việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh.
- 3 Ghi nhận các khiếm khuyết phát hiện được trong quá trình bảo dưỡng.
- 4 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.
- 5 Cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng.

4.6.3 Nhân viên bảo dưỡng và cán bộ giám sát

1 Đào tạo

Nhân viên và cán bộ giám sát liên quan đến việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Cấu trúc và công dụng của thiết bị cứu sinh.
- (2) Văn bản hợp nhất mới nhất của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74), Bộ luật quốc tế về trang thiết bị cứu sinh (LSA), Nghị quyết A.761(18) và các văn kiện liên quan của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO).
- (3) Các yêu cầu của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ.
- (4) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của VR.
- (5) Phương pháp sử dụng các trang thiết bị dùng cho việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh.
- (6) Báo cáo kết quả bảo dưỡng và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên

- (1) Nhân viên bảo dưỡng thiết bị cứu sinh phải thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm như sau:

- (a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo về bảo dưỡng thiết bị cứu sinh do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức.
 - (b) Có tối thiểu một năm kinh nghiệm trong việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh.
- (2) Cán bộ giám sát, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm đối với nhân viên bảo dưỡng, phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm trong việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh.
- (3) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên bảo dưỡng và cán bộ giám sát của một cơ sở bảo dưỡng thiết bị cứu sinh:
- (a) Hai nhân viên bảo dưỡng.
 - (b) Một cán bộ giám sát.

4.6.4 Trang thiết bị sử dụng cho việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh

Cơ sở phải có các trang thiết bị để thực hiện việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh như sau:

- 1 Thiết bị đo áp suất.
- 2 Nhiệt kế.
- 3 Khí áp kế.
- 4 Bơm khí.
- 5 Cân.
- 6 Khí để nạp cho các bình khí.
- 7 Trang bị và vật tư để sửa chữa hư hỏng của hộp đựng, thân phao, ...
- 8 Phụ tùng thay thế.

4.6.5 Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu

- 1 Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện với sự có mặt của Đảng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thiết bị cứu sinh phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.
- 2 Trong trường hợp cơ sở bảo dưỡng thiết bị cứu sinh đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức đảng kiểm khác được công nhận, thì VR có thể xem xét bỏ qua việc chứng minh năng lực nêu ở 1.

4.7 Cơ sở bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan của tàu

4.7.1 Phạm vi áp dụng

Phần này áp dụng cho việc đánh giá và công nhận các cơ sở thực hiện việc bảo dưỡng các thiết bị sau đây:

- 1 Xuồng cứu sinh.
- 2 Xuồng cấp cứu (đối với xuồng cấp cứu bơm hơi, cơ sở bảo dưỡng xuồng còn phải tuân theo các yêu cầu của 4.6).
- 3 Thiết bị nâng hạ xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu và phao bè.
- 4 Cơ cấu nhả khi có tải của xuồng.

4.7.2 Hệ thống chất lượng

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị cho việc bảo dưỡng và thử.
- 2 Thực hiện việc bảo dưỡng và thử.
- 3 Ghi nhận các khiếm khuyết phát hiện được trong quá trình bảo dưỡng.
- 4 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.
- 5 Cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng.

4.7.3 Nhân viên bảo dưỡng và thử, và cán bộ giám sát

1 Đào tạo

Nhân viên và cán bộ giám sát liên quan đến việc bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Cấu trúc và công dụng của xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ và cơ cấu nhả khi có tải.
- (2) Văn bản hợp nhất mới nhất của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74), Bộ luật quốc tế về trang thiết bị cứu sinh (LSA), Thông tư MSC/Circ.1206 và các văn kiện liên quan của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO).
- (3) Các yêu cầu của Chính phủ quốc gia tàu mang cờ.
- (4) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của VR.

- (5) Phương pháp sử dụng các trang thiết bị dùng cho việc bảo dưỡng thiết bị cứu sinh.
- (6) Báo cáo kết quả bảo dưỡng và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 *Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên*

- (1) Nhân viên bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ và cơ cấu nhả khi có tải phải thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm như sau:
 - (a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo về bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ và cơ cấu nhả khi có tải do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức.
 - (b) Có tối thiểu một năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo dưỡng và thử liên quan.
- (2) Cán bộ giám sát, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm đối với nhân viên bảo dưỡng và thử, phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo dưỡng và thử liên quan.
- (3) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên bảo dưỡng và thử, và cán bộ giám sát của một cơ sở bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan:
 - (a) Hai nhân viên bảo dưỡng.
 - (b) Một cán bộ giám sát.

4.7.4 *Trang thiết bị sử dụng cho việc bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu và thiết bị nâng hạ liên quan*

Cơ sở phải có các trang thiết bị để thực hiện việc bảo dưỡng và thử như sau:

- 1 Các trọng vật và dụng cụ để thử.
- 2 Các dụng cụ cơ khí để sửa chữa và điều chỉnh động cơ xuồng.
- 3 Trang bị và vật tư để sửa chữa hư hỏng của kết cấu xuồng, thiết bị nâng hạ,
- 4 Phụ tùng thay thế.

4.7.5 *Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu*

- 1 Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện trên tàu cụ thể và tại xưởng với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ xuồng và cơ cấu nhả khi có tải phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.
- 2 Trong trường hợp cơ sở bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ xuồng và cơ cấu nhả khi có tải đã được công nhận bởi cơ

quan có thẩm quyền hoặc tổ chức đăng kiểm khác được công nhận, thì VR có thể xem xét bỏ qua việc chứng minh năng lực nêu ở 1.

4.7.6 *Giám sát việc tổng kiểm tra và thử tải đối với thiết bị nâng hạ và cơ cấu nhả khi có tải*

Các đợt tổng kiểm tra và thử tải 5 năm đối với thiết bị nâng hạ xuống cứu sinh, xuống cấp cứu, phao bè và cơ cấu nhả khi có tải theo Quy định III/20.11 của Công ước Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74) đã được sửa đổi, bổ sung và Thông tư MSC/Circ.1206 của IMO phải được thực hiện dưới sự giám sát của Đăng kiểm viên.

4.8 *Cơ sở thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm*

4.8.1 *Hệ thống chất lượng*

Quy trình làm việc được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.4 tối thiểu phải bao gồm các nội dung được liệt kê dưới đây:

- 1 Chuẩn bị cho việc thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm.
- 2 Bản vẽ kết cấu của miệng hầm.
- 3 Sử dụng và điều chỉnh thiết bị siêu âm.
- 4 Bảo dưỡng và bảo quản thiết bị siêu âm.
- 5 Chỉ tiêu đánh giá kết quả thử.
- 6 Việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên giám sát.

4.8.2 *Nhân viên thực hiện việc thử và cán bộ giám sát*

1 *Đào tạo*

Nhân viên thực hiện việc thử và cán bộ giám sát phải được đào tạo về các nội dung dưới đây. Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ nêu ở 1.3.2 phải bao gồm các thông tin về đào tạo đối với những người này.

- (1) Sử dụng thiết bị siêu âm.
- (2) Cấu trúc, công dụng, phương pháp làm kín của các loại miệng hầm khác nhau.
- (3) Các quy định về an toàn trên tàu.
- (4) Sử dụng các thiết bị đo chiều dày.
- (5) Các quy định và hướng dẫn liên quan của Quy phạm và hướng dẫn thử kín miệng hầm của VR.
- (6) Báo cáo kết quả thử và việc thẩm tra xác nhận của Đăng kiểm viên.

2 *Trình độ, kinh nghiệm và số lượng nhân viên*

- (1) Nhân viên thực hiện thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm phải thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm như sau:
 - (a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo về thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm do nhà sản xuất thiết bị hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức.
 - (b) Có kinh nghiệm trong việc sử dụng và bảo dưỡng các loại miệng hầm khác nhau.
 - (c) Có tối thiểu một năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thử liên quan.
- (2) Cán bộ giám sát, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm đối với nhân viên thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm, phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan.
- (3) Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân viên và cán bộ giám sát của một cơ sở thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm phải bao gồm:
 - (a) Một nhân viên thực hiện việc thử.
 - (b) Một cán bộ giám sát.

4.8.3 *Thiết bị thử tính kín miệng hầm bằng siêu âm*

Cơ sở thử tính kín của miệng hầm bằng thiết bị siêu âm phải có thiết bị thoả mãn các yêu cầu sau:

- 1 Bộ phát tạo ra giá trị đồng nhất tại mọi điểm của khu vực được thử ở điều kiện nắp miệng hầm được mở hoàn toàn.
- 2 Độ nhạy đo của bộ thu phải có thể điều chỉnh được.
- 3 Bộ thu phải tạo ra tín hiệu âm thanh và chỉ số đọc bằng đề xi ben (dB).

4.8.4 *Chứng minh năng lực tại đợt đánh giá lần đầu*

- 1 Việc chứng minh năng lực của cơ sở phải được thực hiện tại tàu cụ thể với sự có mặt của Đăng kiểm viên để xác nhận là việc cung cấp dịch vụ thử tính kín miệng hầm bằng siêu âm phù hợp với tài liệu đã đệ trình cho VR nêu ở 2.3.1-1.
- 2 Trong trường hợp cơ sở thử tính kín miệng hầm bằng siêu âm đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức đăng kiểm khác được công nhận, thì VR có thể xem xét bỏ qua việc chứng minh năng lực nêu ở 1.

4.7.6 *Giám sát việc thử kín miệng hầm bằng siêu âm*

Việc thử kín miệng hầm bằng siêu âm phải được thực hiện dưới sự giám sát của Đăng kiểm viên.

PHỤ LỤC - BIỂU MẪU HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- 1 Báo cáo đánh giá
- 2 Danh mục đánh giá
- 3 Giấy chứng nhận công nhận



CỤC ĐĂNG KÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: _____

Loại hình đánh giá:	<input type="checkbox"/> Lần đầu	<input type="checkbox"/> Hàng năm	<input type="checkbox"/> Cấp mới	<input type="checkbox"/> Bất thường
Tên cơ sở:				
Địa chỉ:				
Dịch vụ cung cấp:				
Số GCN đã cấp (nếu có):			Ngày cấp:	
Ngày bắt đầu đánh giá:			Ngày kết thúc đánh giá:	
Kết quả đánh giá:				
<input type="checkbox"/> Thoả mãn các yêu cầu của Quy định Đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ				
<input type="checkbox"/> Thoả mãn với khuyến nghị được đưa ra;				
<input type="checkbox"/> Không thoả mãn.				
Ghi chú:				
Đăng kiểm viên hiện trường đề nghị:				
<input type="checkbox"/> Cấp GCN công nhận cơ sở chính thức có hiệu lực đến: _____				
<input type="checkbox"/> Cấp GCN công nhận cơ sở tạm thời có hiệu lực đến: _____				
<input type="checkbox"/> Xác nhận GCN công nhận cơ sở đã cấp				
<input type="checkbox"/> Thu hồi GCN công nhận cơ sở đã cấp (lý do: _____)				
Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên		

Cấp tại _____ Ngày _____

CỤC ĐĂNG KÍ VIỆT NAM



CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

DANH MỤC ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: _____

1. Tên và địa chỉ Cơ sở	2. Dịch vụ cung cấp

3. Mô tả quy định riêng của quốc gia tàu mang cờ đối với cơ sở cung cấp dịch vụ cho tàu mang cờ của họ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không

4. Cơ sở đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức được công nhận khác	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Mô tả:	

5. Cơ sở đã được nhà sản xuất ủy quyền thực hiện việc bảo dưỡng, thử và kiểm tra	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Mô tả:	

6. NHÂN SỰ			
HỌ VÀ TÊN	Người có giấy chứng nhận chuyên môn		
	Năm đào tạo	Số GCN	Hạn hiệu lực
	Nhân viên khác - Nhiệm vụ		

7. HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG						
TT	Hạng mục	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	Nhận xét
a	Đào tạo	Tất cả những người tham gia vào các hoạt động có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các dịch vụ liên quan được đào tạo đầy đủ.				
		Quy trình đào tạo được lập thành hồ sơ được thiết lập và duy trì				
		Hồ sơ đào tạo của các nhân viên kỹ thuật và cán bộ giám sát bao gồm các thông tin về trình độ chuyên môn, chương trình đào tạo đã tham gia và kinh nghiệm đối với dịch vụ liên quan được thiết lập và duy trì.				
b	Thiết bị đo và thử	Cơ sở có các thiết bị đo và thử để đảm bảo chất lượng của các dịch vụ liên quan.				
		Liệt kê các thiết bị:				
		Hồ sơ kiểm soát, hiệu chuẩn và duy trì các thiết bị đo và thử				
c	Quy trình làm việc	Quy trình làm việc để cung cấp các dịch vụ liên quan được thiết lập và duy trì				
		Liệt kê các quy trình làm việc:				
d	Kiểm soát nhà thầu phụ	Trong trường hợp một phần dịch vụ được cung cấp bởi nhà thầu phụ, Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải kiểm tra và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và sự thực hiện công việc của nhà thầu phụ để xác nhận là nhà thầu phụ có đủ năng lực cung cấp một phần dịch vụ như vậy với chất lượng phù hợp.				
		Hợp đồng của cơ sở cung cấp dịch vụ và nhà thầu phụ bao gồm các quy định cụ thể đối với phần dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp.				
		Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ phải thiết lập và duy trì quy trình được lập thành hồ sơ để thực hiện việc kiểm soát nhà thầu phụ và hợp đồng nêu.				

7. HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG (tiếp)						
TT	Hạng mục	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	Nhận xét
e	Kiểm tra xác nhận	Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ thực hiện thẩm tra xác nhận chất lượng của dịch vụ được cung cấp.				
		Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ thực hiện việc đánh giá chất lượng nội bộ theo chu kỳ:				
		Kết quả đánh giá phải được báo cáo lên Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ và các bộ phận được đánh giá.				
		Căn cứ vào kết quả đánh giá, Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ xem xét lại hệ thống chất lượng, nếu cần thiết.				
		Thiết lập và duy trì quy trình được lập thành hồ sơ đối với việc thực hiện kiểm tra xác nhận và đánh giá chất lượng nội bộ.				
h	Báo cáo cho VR	Lãnh đạo của cơ sở cung cấp dịch vụ thiết lập và duy trì quy trình lập thành hồ sơ về việc báo cáo kết quả các dịch vụ được cung cấp cho VR (biểu mẫu báo cáo kết quả bảo dưỡng, kiểm tra, thử và các giấy chứng nhận liên quan).				
		Liệt kê các biểu mẫu:				
		Báo cáo (Report):				
		Danh mục (Checklist):				
		Giấy chứng nhận:				

8. NHÀ XƯỞNG VÀ PHỤ TÙNG THAY THẾ						
TT	Hạng mục	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	Nhận xét
a	Nhà xưởng	Cơ sở phải có nhà xưởng làm việc, đủ điều kiện cất giữ, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng và thử thiết bị liên quan. Nhà xưởng phải đảm bảo điều kiện vệ sinh công nghiệp, có đủ diện tích phục vụ cho công việc, được chiếu sáng, thông gió đầy đủ, thoả mãn các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.				
b	Phụ tùng thay thế	Cơ sở có đủ các phụ tùng thay thế cần thiết cho dịch vụ cung cấp				

9. THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO VIỆC BẢO DƯỠNG, KIỂM TRA VÀ THỬ						
TT	Hạng mục	Yêu cầu	Có	Không	Không áp dụng	Nhận xét
a	Thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ cấp	Cơ sở có đủ các thiết bị phục vụ cho việc bảo dưỡng, kiểm tra và thử theo quy định liên quan đến dịch vụ cung cấp. Các thiết bị được bảo dưỡng và kiểm chuẩn đầy đủ:				
		Liệt kê thiết bị:				

10. CHỨNG MINH NĂNG LỰC	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Ngày thực hiện	
Tên và số phân biệt của tàu sử dụng để chứng minh năng lực	
Dịch vụ được chứng minh năng lực	
Kết quả	

Lưu ý:

Ngày đánh giá Đăng kiểm viên

.....

(Chữ ký)

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số:
No.: _____

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CÔNG NHẬN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ
CERTIFICATE OF APPROVAL FOR SERVICE SUPPLIER**

**CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT**

Cơ sở: _____

Firm: _____

Địa chỉ: _____

Address: _____

Đã được đánh giá và công nhận để cung cấp (các) dịch vụ sau đây phù hợp với Quy định về đánh giá và công nhận cơ sở cung cấp dịch vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là "Quy định"):

Has been assessed and approved to provide the following service(s) in compliance with the Regulation for Assessment and Approval of Service Supplier of Vietnam Register (hereinafter refer to as "the Regulation"):

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày: _____
This Certificate is valid until:

với điều kiện phải được xác nhận tại các đợt đánh giá hàng năm phù hợp với Quy định.
subject to annual endorsement in accordance with the Regulation.

Ngày ấn định đánh giá hàng năm: _____
Anniversary date:

Cấp tại: _____ Ngày: _____
Issued at Date

**CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER**

XÁC NHẬN ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM LẦN THỨ NHẤT
FIRST ANNUAL ENDORSEMENT

Kết quả đánh giá xác nhận trình trạng của cơ sở được duy trì phù hợp với Quy định.
Based on the annual audit, the condition of the service station is maintained in compliance with all applicable requirements.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM LẦN THỨ HAI
SECOND ANNUAL ENDORSEMENT

Kết quả đánh giá xác nhận trình trạng của cơ sở được duy trì phù hợp với Quy định.
Based on the annual audit, the condition of the service station is maintained in compliance with all applicable requirements.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM LẦN THỨ BA
THIRD ANNUAL ENDORSEMENT

Kết quả đánh giá xác nhận trình trạng của cơ sở được duy trì phù hợp với Quy định.
Based on the annual audit, the condition of the service station is maintained in compliance with all applicable requirements.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM LẦN THỨ TƯ
FOURTH PERIODICAL ENDORSEMENT

Kết quả đánh giá xác nhận trình trạng của cơ sở được duy trì phù hợp với Quy định.
Based on the annual audit, the condition of the service station is maintained in compliance with all applicable requirements.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GHI CHÚ - REMARKS:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:
The approval may be cancelled in cases:

- Cơ sở thực hiện bảo dưỡng không đúng các yêu cầu hoặc kết quả ghi sai.
The service provided is improperly carried out or the results are improperly reported.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của Cơ sở.
The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the service station.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của Cơ sở tới VR.
The service station fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register.